

Số: 1575 /QĐ-NNH

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2008 - 2009

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Nông nghiệp I thành Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng được quy định tại Quyết định số 153/2003/TTg, ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng và Nghị định số 121/2005/NĐ ngày 30/9/2005 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quy chế Quản lý nguồn thu và chi tiêu nội bộ được ban hành kèm theo Quyết định số 1832/QĐ-NNH ngày 9/12/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2008 - 2009 (Chiến sỹ thi đua cơ sở: 251 người; Lao động tiên tiến: 550 người) cho cán bộ, viên chức của Trường có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Kèm theo danh hiệu, mỗi cán bộ, viên chức được thưởng mức tiền thưởng là 300.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; 200.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Lao động tiên tiến, trích từ quỹ khen thưởng của Trường.

Số tiền : 251 người x 300.000 đồng = 75.300.000 đồng
 550 người x 200.000 đồng = 110.000.000 đồng

Tổng số tiền : 75.300.000 đồng + 110.000.000 đồng = 185.300.000 đồng

(Một trăm tám mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng TCCB, HC-TH, Tài chính-Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 4;
- Lưu VTHC, TC.



TS. Nguyễn Hữu Ngọc

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU CHIẾN SỸ THI ĐUA CƠ SỞ
NĂM HỌC 2008 - 2009**

(Kèm theo Quyết định số 1575/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 10 năm 2009
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội)

TT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn/Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
A	B	C	D	E	F	G
1	Hà Thị Thanh	Bình	1	Canh tác học	300.000	
2	Ngô Bích	Hảo	1	Bệnh cây	300.000	
3	Nguyễn Văn	Viên	1	Bệnh cây	300.000	
4	Ninh Thị	Phíp	1	Cây công nghiệp	300.000	
5	Vũ Đình	Chính	1	Cây công nghiệp	300.000	
6	Bùi Xuân	Sửu	1	Cây công nghiệp	300.000	
7	Nguyễn Thế	Hùng	1	Cây lương thực	300.000	
8	Trần Đình	Chiến	1	Côn trùng	300.000	
9	Nguyễn Thị Kim	Oanh	1	Côn trùng	300.000	
10	Phạm Tiến	Dũng	1	Hệ thống nông nghiệp	300.000	
11	Nguyễn Thị	Lan	1	Hệ thống nông nghiệp	300.000	
12	Trần Thị	Ngọc	1	Hệ thống nông nghiệp	300.000	
13	Vũ Văn	Liết	1	Di truyền giống	300.000	
14	Nguyễn Văn	Hoan	1	Di truyền giống	300.000	
15	Phạm Thị	Hương	1	Rau - Hoa - Quả	300.000	
				Cộng	4.500.000	
16	Bùi Văn	Đoàn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
17	Mai Thị	Thơm	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
18	Vũ Đình	Tôn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
19	Nguyễn Xuân	Trạch	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
20	Vũ Thị Thuý	Hằng	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
21	Đặng Vũ	Bình	2	Di truyền Giống gia súc	300.000	
22	Đinh Văn	Chỉnh	2	Di truyền Giống gia súc	300.000	
23	Phan Xuân	Hảo	2	Di truyền Giống gia súc	300.000	
24	Nguyễn Chí	Thành	2	Di truyền Giống gia súc	300.000	
25	Lê Mạnh	Dũng	2	Sinh học động vật	300.000	
26	Nguyễn Thị	Nguyệt	2	Sinh học động vật	300.000	
27	Tôn Thất	Sơn	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	300.000	
28	Bùi Quang	Tuấn	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	300.000	
29	Bùi Văn	Định	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	300.000	
30	Bùi Thị	Bích	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	300.000	
31	Kim Văn	Vạn	2	Nuôi trồng thủy sản	300.000	
32	Nguyễn Bá	Mùi	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	300.000	
33	Đặng Thái	Hải	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	300.000	
34	Cù Thị Thiên	Thu	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	300.000	
35	Lê Văn	Muôn	2	Văn phòng	300.000	
36	Nguyễn Thị	Xuyên	2	Văn phòng	300.000	
				Cộng	6.300.000	
37	Nguyễn Trường	Sơn	3	Hoá học	300.000	
38	Nguyễn Thị Hồng	Linh	3	Hoá học	300.000	
39	Phan Trung	Quý	3	Hoá học	300.000	
40	Cao Việt	Hà	3	Khoa học đất	300.000	



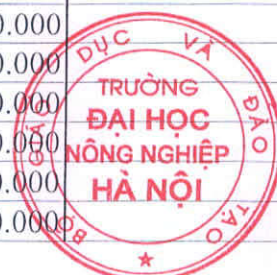
TT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn/Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
41	Nguyễn Hữu	Thành	3	Khoa học đất	300.000	
42	Đỗ Nguyên	Hải	3	Khoa học đất	300.000	
43	Nguyễn Xuân	Thành	3	Vi sinh vật	300.000	
44	Đinh Hồng	Duyên	3	Vi sinh vật	300.000	
45	Đoàn Công	Quý	3	Quy hoạch đất	300.000	
46	Nguyễn Quang	Học	3	Quy hoạch đất	300.000	
47	Nguyễn Thị	Vòng	3	Quy hoạch đất	300.000	
48	Nguyễn Thanh	Trà	3	Quản lý đất đai	300.000	
49	Nguyễn Khắc	Thời	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	300.000	
50	Trần Quốc	Vinh	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	300.000	
51	Lê Thị	Giang	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	300.000	
52	Trần Trọng	Phương	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	300.000	
53	Đoàn Văn	Điểm	3	Sinh thái nông nghiệp	300.000	
54	Trần Danh	Thìn	3	Sinh thái nông nghiệp	300.000	
55	Nguyễn Thanh	Lâm	3	Công nghệ môi trường	300.000	
56	Nguyễn Như	Hà	3	Nông hóa	300.000	
57	Hồ Thị Lam	Trà	3	Quản lý môi trường	300.000	
58	Trần Đức	Viên	3	Quản lý môi trường	300.000	
				Cộng	6.600.000	
59	Lương Văn	Vượt	4	Cơ học kỹ thuật	300.000	
60	Lê Minh	Lư	4	Cơ học kỹ thuật	300.000	
61	Đặng Đình	Trình	4	Cơ học kỹ thuật	300.000	
62	Nguyễn Thị Hoài	Son	4	Điện kỹ thuật	300.000	
63	Ngô Thị	Tuyến	4	Điện kỹ thuật	300.000	
64	Nguyễn Văn	Đạt	4	Điện kỹ thuật	300.000	
65	Ngô Trí	Dương	4	Điện kỹ thuật	300.000	
66	Nguyễn Văn	Linh	4	Điện kỹ thuật	300.000	
67	Đào Quang	Kế	4	Công nghệ cơ khí	300.000	
68	Nguyễn Viết	Lầu	4	Máy nông nghiệp	300.000	
69	Hà Đức	Thái	4	Máy nông nghiệp	300.000	
70	Lê Văn	Bích	4	Máy nông nghiệp	300.000	
71	Nguyễn Ngọc	Quế	4	Động lực	300.000	
72	Bùi Hải	Triều	4	Động lực	300.000	
73	Trương Thị	Toàn	4	Động lực	300.000	
74	Nông Văn	Vin	4	Động lực	300.000	
75	Đặng Tiến	Hòa	4	Động lực	300.000	
76	Hàn Trung	Dũng	4	Động lực	300.000	
77	Trần Như	Khuyên	4	TB bảo quản và CBNS	300.000	
78	Vũ Hải	Thuận	4	Cung cấp và SD Điện	300.000	
79	Nguyễn Quang	Huy	4	Cung cấp và SD Điện	300.000	
				Cộng	6.300.000	
80	Trần Văn	Đức	5	Kinh tế	300.000	
81	Nguyễn Phúc	Thọ	5	Kinh tế	300.000	
82	Lương Xuân	Chính	5	Kinh tế	300.000	
83	Nguyễn Tất	Thắng	5	Kinh tế	300.000	
84	Nguyễn Minh	Đức	5	Phát triển nông thôn	300.000	
85	Mai Thanh	Cúc	5	Phát triển nông thôn	300.000	
86	Nguyễn Trọng	Đắc	5	Phát triển nông thôn	300.000	
87	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	5	Phát triển nông thôn	300.000	



TT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn/Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
88	Mai Lan	Phuong	5	Phát triển nông thôn	300.000	
89	Nguyễn Thị Minh	Hiền	5	Phát triển nông thôn	300.000	
90	Đỗ Thị Thanh	Huyền	5	Phát triển nông thôn	300.000	
91	Quyền Đình	Hà	5	Phát triển nông thôn	300.000	
92	Nguyễn Thị Thu	Phuong	5	Phát triển nông thôn	300.000	
93	Vi Văn	Năng	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	300.000	
94	Nguyễn Văn	Song	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	300.000	
95	Nguyễn Mậu	Dũng	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	300.000	
96	Đỗ Thị	Nâng	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	300.000	
97	Tô Thế	Nguyên	5	TT Thông tin - TH KT và PT	300.000	
98	Trần Đình	Thao	5	Phân tích định lượng	300.000	
99	Ngô Thị	Thuận	5	Phân tích định lượng	300.000	
100	Nguyễn Hữu	Ngoan	5	Phân tích định lượng	300.000	
101	Đặng Xuân	Lợi	5	Phân tích định lượng	300.000	
102	Lê Khắc	Bộ	5	Phân tích định lượng	300.000	
103	Nguyễn Thị Dương	Nga	5	Phân tích định lượng	300.000	
104	Phạm Văn	Hùng	5	Phân tích định lượng	300.000	
105	Dương Văn	Hiếu	5	Kinh tế nông nghiệp và CS	300.000	
106	Nguyễn Các	Mác	5	Kinh tế nông nghiệp và CS	300.000	
107	Phạm Văn	Đình	5	Kinh tế nông nghiệp và CS	300.000	
108	Nguyễn Thị Minh	Thu	5	Kinh tế nông nghiệp và CS	300.000	
109	Đỗ Kim	Chung	5	Kinh tế nông nghiệp và CS	300.000	
110	Nguyễn Thị	Nhuân	5	TT Thông tin - TH KT và PT	300.000	
111	Hoàng Thị	Hằng	5	TT Tin học - TH	300.000	
112	Tổng Phương	Anh	5	TT Tin học - TH	300.000	
				Cộng	9.900.000	
113	Lương Đức	Thăng	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	300.000	
114	Nguyễn Ngọc	Diệp	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	300.000	
115	Lê Thị	Ngân	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	300.000	
116	Nguyễn Thanh	Thế	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	300.000	
117	Tạ Quang	Giảng	6	Đường lối CM của ĐCSVN	300.000	
118	Lê Văn	Thai	6	Đường lối CM của ĐCSVN	300.000	
119	Vũ Hải	Hà	6	Đường lối CM của ĐCSVN	300.000	
120	Nguyễn Thị	Khanh	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	300.000	
121	Vũ Văn	Tuấn	6	Pháp luật	300.000	
122	Nguyễn Thị	Ngân	6	Pháp luật	300.000	
123	Đỗ Thị Kim	Hương	6	Pháp luật	300.000	
124	Ngô Trung	Thành	6	Xã hội học	300.000	
125	Nguyễn Thị Thu	Hà	6	Xã hội học	300.000	
				Cộng	3.900.000	
126	Nguyễn Tất	Thắng	7	Tâm lý và Phương pháp GD	300.000	
127	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	7	Tâm lý và Phương pháp GD	300.000	
128	Trương Thị	Hoa	7	Tâm lý và Phương pháp GD	300.000	
129	Đặng Thị	Vân	7	Tâm lý và Phương pháp GD	300.000	
130	Phạm Thị Tuyết	Thanh	7	Lý thuyết Tiếng	300.000	
131	Hà Thị	Lan	7	Lý thuyết Tiếng	300.000	
132	Nguyễn Thị Kim	Quốc	7	Lý thuyết Tiếng	300.000	
133	Phan Thu	Thủy	7	Lý thuyết Tiếng	300.000	
134	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	7	Lý thuyết Tiếng	300.000	



TT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn/Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
135	Nguyễn Thị	Nga	7	Lý thuyết Tiếng	300.000	
136	Nguyễn Thị Huyền	Hậu	7	Lý thuyết Tiếng	300.000	
137	Phạm Thị Thuý	Linh	7	Lý thuyết Tiếng	300.000	
138	Trần Hoài	Nam	7	Thực hành Tiếng	300.000	
139	Ngô Thị Thanh	Tâm	7	Thực hành Tiếng	300.000	
140	Cao Thị Ngọc	Mậu	7	Thực hành Tiếng	300.000	
141	Lê Năng	Văn	7	Thực hành Tiếng	300.000	
142	Đỗ Thế	Bảo	7	Thực hành Tiếng	300.000	
143	Vũ Thị Minh	Châu	7	Thực hành Tiếng	300.000	
				Cộng	5.400.000	
144	Ngô Xuân	Mạnh	8	HS-CN sinh học thực phẩm	300.000	
145	Giang Trung	Khoa	8	Công nghệ chế biến	300.000	
146	Nguyễn Đức	Doan	8	Công nghệ chế biến	300.000	
147	Nguyễn Mạnh	Khải	8	Công nghệ Sau thu hoạch	300.000	
148	Nguyễn Thị Bích	Thùy	8	Công nghệ Sau thu hoạch	300.000	
149	Trần Thị Lan	Hương	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	300.000	
150	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	300.000	
				Cộng	2.100.000	
151	Trần Văn	Quyên	9	Ký sinh trùng	300.000	
152	Nguyễn Văn	Thọ	9	Ký sinh trùng	300.000	
153	Chu Đức	Thắng	9	Nội - Chẩn - Dược lý	300.000	
154	Phạm Ngọc	Thạch	9	Nội - Chẩn - Dược lý	300.000	
155	Bùi Thị	Tho	9	Nội - Chẩn - Dược lý	300.000	
156	Đàm Văn	Phải	9	Nội - Chẩn - Dược lý	300.000	
157	Trần Tiến	Dũng	9	Ngoại sản	300.000	
158	Hoàng	Sơn	9	Ngoại sản	300.000	
159	Nguyễn Văn	Thanh	9	Ngoại sản	300.000	
160	Vũ Như	Quán	9	Ngoại sản	300.000	
161	Nguyễn Hữu	Nam	9	Bệnh lý thú y	300.000	
162	Phạm Văn	Tự	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	300.000	
163	Nguyễn Thị Kim	Thoa	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	300.000	
164	Trịnh Đình	Thâu	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	300.000	
165	Nguyễn Bá	Hiên	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	300.000	
166	Trần Thị Lan	Hương	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	300.000	
167	Lê Văn	Lãnh	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	300.000	
168	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	300.000	
169	Tạ Thị Kim	Chung	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	300.000	
170	Vũ Kim	Hoa	9	Thú y cộng đồng	300.000	
171	Lại Thị	Cúc	9	Thú y cộng đồng	300.000	
172	Phạm Hồng	Ngân	9	Thú y cộng đồng	300.000	
173	Trần Thị	Giang	9	Văn phòng	300.000	
				Cộng	6.900.000	
174	Phạm Việt	Nga	10	Toán học	300.000	
175	Bùi Nguyên	Viễn	10	Toán học	300.000	
176	Lê Đức	Vĩnh	10	Toán học	300.000	
177	Nguyễn Thị Kim	Bình	10	Toán học	300.000	
178	Đỗ Thị	Huệ	10	Toán học	300.000	
179	Nguyễn Thị Minh	Tâm	10	Toán học	300.000	
180	Nguyễn Hà	Thanh	10	Toán học	300.000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn/Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
181	Nguyễn Thị	Phương	10	Vật lý	300.000	
182	Bùi Thị	Thu	10	Vật lý	300.000	
183	Hồ Thị Hồng	Lan	10	Vật lý	300.000	
184	Đoàn Văn	Cán	10	Vật lý	300.000	
185	Trần Đình	Đông	10	Vật lý	300.000	
186	Đỗ Đăng	Bảy	10	Vật lý	300.000	
187	Lương Minh	Quân	10	Vật lý	300.000	
188	Lê Văn	Dũng	10	Vật lý	300.000	
189	Đào Hải	Yến	10	Vật lý	300.000	
190	Đào Trọng	Thắng	10	Công nghệ phần mềm	300.000	
191	Đỗ Thị	Mơ	10	Công nghệ phần mềm	300.000	
192	Hoàng Thị	Hà	10	Công nghệ phần mềm	300.000	
193	Ngô Công	Thắng	10	Công nghệ phần mềm	300.000	
194	Lê Thị Minh	Thủy	10	Công nghệ phần mềm	300.000	
195	Lê Thị	Nhung	10	Công nghệ phần mềm	300.000	
196	Trần Thị Thu	Huyền	10	Khoa học máy tính	300.000	
197	Ngô Tuấn	Anh	10	Khoa học máy tính	300.000	
198	Trần Vũ	Hà	10	Khoa học máy tính	300.000	
199	Nguyễn Văn	Định	10	Toán - Tin ứng dụng	300.000	
200	Phạm Hạ	Thủy	10	Toán - Tin ứng dụng	300.000	
				Cộng	8.100.000	
201	Nguyễn Thị	Tâm	11	Kế toán	300.000	
202	Bùi Thị	Phúc	11	Kế toán	300.000	
203	Nguyễn Xuân	Tiến	11	Kế toán	300.000	
204	Trần Quang	Trung	11	Kế toán	300.000	
205	Phí Thị Diễm	Hồng	11	Kế toán	300.000	
206	Kim Thị	Dung	11	Tài chính	300.000	
207	Lê Hữu	ảnh	11	Tài chính	300.000	
208	Nguyễn Anh	Trụ	11	Marketing	300.000	
209	Trần Hữu	Cường	11	Marketing	300.000	
210	Trần Thị Thu	Hương	11	Marketing	300.000	
211	Chu Thị Kim	Loan	11	Marketing	300.000	
212	Đỗ Văn	Viện	11	TT Tư vấn và LK Đào tạo	300.000	
213	Nguyễn Quốc	Chỉnh	11	Quản trị kinh doanh	300.000	
				Cộng	3.900.000	
214	Vũ Đình	Hòa	12	Công nghệ sinh học ứng dụng	300.000	
215	Phan Hữu	Tôn	12	Công nghệ sinh học ứng dụng	300.000	
				Cộng	600.000	
216	Nguyễn Tất	Cảnh	13	KHCN và HTQT	300.000	
				Cộng	300.000	
217	Bùi Bằng	Đoàn	14	Tài chính - Kế toán	300.000	
				Cộng	300.000	
218	Bùi Thị Kim	Vân	15	TCCB	300.000	
219	Nguyễn Thị	Thủy	15	TCCB	300.000	
220	Nguyễn Ích	Tân	15	TCCB	300.000	
				Cộng	900.000	
221	Hoàng Văn	Sỹ	16	Đào tạo đại học	300.000	
222	Nguyễn Duy	Thanh	16	Đào tạo đại học	300.000	
223	Nguyễn Minh	Tiến	16	Đào tạo đại học	300.000	



TT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn/Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
224	Dương Chí	Dũng	16	Đào tạo đại học	300.000	
225	Nguyễn Thị	Mai	16	Đào tạo đại học	300.000	
226	Nguyễn Văn	Dung	16	Đào tạo đại học	300.000	
227	Bùi Trần Anh	Đào	16	Đào tạo đại học	300.000	
				Cộng	2.100.000	
228	Nguyễn Thị Lý	Anh	17	Viện Sinh học Nông nghiệp	300.000	
229	Nguyễn Văn	Quang	17	Viện Sinh học Nông nghiệp	300.000	
				Cộng	600.000	
230	Quyền Đình	Hà	18	VT-HC	300.000	
				Cộng	300.000	
231	Nguyễn Văn	Lơ	19	VP-GĐ	300.000	
232	Võ Văn	Nam	19	Điện nước	300.000	
233	Nguyễn Ngọc	Kính	19	TBVT	300.000	
				Cộng	900.000	
234	Hoàng Văn	Hưng	20	Giáo dục thể chất	300.000	
235	Dương Mạnh	Đức	20	TT Thể thao - Văn hoá	300.000	
				Cộng	600.000	
236	Hoàng Văn	Bình	21	Phòng CTCT và CTSV	300.000	
				Cộng	300.000	
237	Nguyễn Văn	Chuyên	23	Giáo dục quốc phòng	300.000	
238	Nguyễn Trọng	Thắng	23	Giáo dục quốc phòng	300.000	
				Cộng	600.000	
239	Nguyễn Văn	Muốn	24	Phòng Khảo thí và ĐBCL	300.000	
240	Hoàng Xuân	Anh	24	Phòng Khảo thí và ĐBCL	300.000	
				Cộng	600.000	
241	Nguyễn Thị Thúy	Vinh	27	Trạm Y tế	300.000	
				Cộng	300.000	
242	Lê Văn	Bằng	28	VP-GĐ	300.000	
243	Dương Thị	Tiến	28	GĐ	300.000	
				Cộng	600.000	

244	Đỗ Hữu	Quyết	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	300.000	
245	Tổng Ngọc	Tuấn	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	300.000	
				Cộng	600.000	
246	Nguyễn Văn	Đĩnh	41	Viện Đào tạo Sau đại học	300.000	
247	Nguyễn Tuấn	Sơn	41	Viện Đào tạo Sau đại học	300.000	
				Cộng	600.000	
248	Nguyễn Huy	Cường	91	Ban Thanh tra Giáo dục	300.000	
249	Nguyễn Thị	Tú	91	Ban Thanh tra Giáo dục	300.000	
250	Vũ Thị	Thu	91	Ban Thanh tra Giáo dục	300.000	
251	Phạm Thị Thuý	Vân	91	Ban Thanh tra Giáo dục	300.000	
				Cộng	1.200.000	
				Tổng cộng	75.300.000	

Bảng chữ: Bảy mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./.

